TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

- Bản án số: 69/2022/DS - ST
- Ngày: 03 - 10 - 2022
- V/v: " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Danh Pì Sách.**
- *Các Hội Thẩm Nhân Dân*: 1. Bà **Nguyễn Hải Anh**;

2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- *Thư ký phiên toà*: Bà **Lữ Cẩm Nhung** - *Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Ông **Lâm Sển** - *Kiểm sát viên.*

Ngày 03 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành - Kiên Giang về việc "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXX-ST, ngày 25tháng 8 năm 2022và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.**

Trụ sở chính: Số 02 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn Thành**- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Phạm Minh Tấn**- Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang II.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông **Đặng Thanh Hóa**- Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang II.

Địa chỉ: Số 784 khu phố Minh An, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ông Hóa có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Lê Văn T** Sinh năm:1971

(Ông Tuấn vắng mặt phiên tòa lần 2).

2.2. Bà **Liên Thị C** sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh Quới, Xã Vĩnh Hòa Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang. (Bà Cúc có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.Ông **Lý Văn N** sinh năm 1961

(Ông Nhỏ vắng mặt phiên tòa lần 2).

3.2. Bà **Liên Thị N** sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh Quới, Xã Vĩnh Hòa Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang; (Bà Nga có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Văn Tuấn và bà Liên Thị Cúc có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang II, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 7709- LAV-201700863, ký ngày 14/03/2017**:** ông Tuấn, bà Cúc vay số tiền 3.000.000.000 đồng, lãi suất là 10.5%/năm; Lãi suất quá

hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận; Thời hạn vay là 60 tháng tính kể từ ngày 14/3/2017; Phương thức cho vay: Từng lần; Thời hạn thanh toán là ngày 12/3/2022; Dư nợ gốc tính đến ngày 03/10/2022 là 2.400.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ tạm tính đến ngày 03/10/2022 là 720.558.904đ (Trong đó lãi trong hạn là 709.052.055 đồng; lãi quá hạn là 11.506.849 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số: 7709- LAV-201702335, ký ngày 25/10/2017**:** ông Tuấn, bà Cúc vay số tiền 3.000.000.000 đồng, lãi suất là 11%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận; Thời hạn vay là 60 tháng; Phương thức cho vay: Từng lần; Thời hạn thanh toán là ngày 24/10/2022; Dư nợ gốc tính đến ngày 03/10/2022 là 2.600.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ tạm tính đến ngày 03/10/2022 là 874.816.439 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 843.112.329đ; lãi quá hạn là 31.704.110đồng).

- Hợp đồng tín dụng số: 7709- LAV-201900351, ký ngày 31/01/2019**:** ông Tuấn, bà Cúc vay số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất là 10%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận; Thời hạn vay là 12 tháng; Phương thức cho vay: Từng lần; Thời hạn thanh toán là ngày 28/01/2021; Dư nợ gốc tính đến ngày 03/10/2022 là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ tạm tính đến ngày 03/10/2022 là 514.109.589 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 342.739.726đ ; lãi quá hạn là 171.369.863đồng).

- Hợp đồng tín dụng số: 7709- LAV-201900937, ký ngày 29/03/2019**:** ông Tuấn, bà Cúc vay số tiền 3.500.000.000 đồng, lãi suất là 10%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận; Thời hạn vay là 12 tháng; Phương thức cho vay: Từng lần; Thời hạn thanh toán là ngày 22/3/2021; Dư nợ gốc tính đến ngày 03/10/2022 là 3.5000.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ tạm tính đến ngày 03/10/2022 là 1.846.849.315 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 1.231.232.877đ; lãi quá hạn là 615.616.438 đồng).

** Tài sản đảm bảo thế chấp gồm:*

1. Tài sản thứ nhất

- Tên tài sản bảo đảm: **TÀU CÁ** KG-91526-TS; KG-93811-TS

- Đặc điểm tài sản bảo đảm khi đăng ký thế chấp:

- Đặc điểm tài sản bảo đảm thực tế tại thời điểm báo cáo nêu cụ thể (đối chiếu thực tế hay chưa, hư hỏng, mất mát, hao mòn..)

- Giá trị tài sản bảo đảm: 9**.500.000.000** đồng

2. Tài sản thứ hai:

- Tên tài sản bảo đảm: **TÀU CÁ** KG-94798-TS; KG-95083-TS

- Đặc điểm tài sản bảo đảm khi đăng ký thế chấp:

- Đặc điểm tài sản bảo đảm thực tế tại thời điểm báo cáo nêu cụ thể (đối chiếu thực tế hay chưa, hư hỏng, mất mát, hao mòn..)

- Giá trị tài sản bảo đảm: **8.000.000.000** đồng

3. Tài sản thứ ba:

- Tên tài sản bảo đảm: **Đất ở + nhà ở (tài sản chính chủ: Lê Văn Tuấn)**

- Đặc điểm tài sản bảo đảm khi đăng ký thế chấp: Đất ở 255 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Tp Rạch Giá, Kiên Giang

- Giá trị tài sản bảo đảm: **1.552.000.000** đồng

+ Theo đánh giá khi cho vay: 1.552.000.000 đồng

+ Theo đánh giá lại gần nhất : *1.552.000.000 đồng*

- Giấy tờ về tài sản bảo đảm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số : 5301071088 số 255 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Tp Rạch Giá, Kiên Giang thửa 136; tờ bản đồ: 22; Diện tích :77,6 m^2 ;

4. Tài sản thứ tư:

- Tên tài sản bảo đảm: Đất trồng cây lâu năm (tài sản chính chủ: Lê Văn Tuấn)

- Đặc điểm tài sản bảo đảm khi đăng ký thế chấp: tài sản có đăng ký giao dịch đảm bảo, công chứng và đăng ký thế chấp

- Đặc điểm tài sản bảo đảm thực tế tại thời điểm báo cáo nêu cụ thể (đối chiếu thực tế hay chưa, hư hỏng, mất mát, hao mòn..) ; tài sản hiện vẫn được khai thác của bên bảo lãnh

- Giá trị tài sản bảo đảm: **827.820.000** đồng

- Giấy tờ về tài sản bảo đảm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số : **BA375194** số Ấp Vĩnh Quới, Vĩnh Hòa Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang thửa 949; tờ bản đồ: 22; Diện tích :788,4 m^2 ;

5 Tài sản thứ năm:

- Tên tài sản bảo đảm: Đất ở nông thôn và vườn tạp (TS đảm bảo bên thứ 3-Ông Lý Văn Nhỏ)

- Đặc điểm tài sản bảo đảm khi đăng ký thế chấp: tài sản có đăng ký giao dịch đảm bảo, công chứng và đăng ký thế chấp;

- Giá trị tài sản bảo đảm: **703.460.000** đồng

- Giấy tờ về tài sản bảo đảm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: **N217334;** số Ấp Vĩnh Phú, Xã Vĩnh Hòa Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang thửa 201; tờ bản đồ: 29; Diện tích : 5.684m^2;

Trong quá trình vay vốn Ông Lê Văn Tuấn và bà Liên Thị Cúc đã vi phạm hợp đồng tín dụng không trả gốc là lãi đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết với Agribank.

Tại phiên tòa,Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Namyêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét buộc ông Lê Văn Tuấn và bà Liên Thị Cúc có trách nhiệm liên đới thanh toán phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 03/10/2022 cụ thể như sau:

+ Nợ gốc tính đến ngày 03/10/2022 : **9.500.000.000** đồng

+ Nợ lãi trong hạn tạm tính đến ngày 03/10/2022: **3.126.136.986** đồng

+ Nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/10/2022: **830.197.260** đồng

⇨ Tổng cộng nợ gốc và lãi: **13.456.334.246** đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/10/2022 theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Tuấn, bà Cúc trả hết nợ cho Ngân hàng.

Nếu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan pháp luật xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- *Bị đơn ông Lê Văn Tuấn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn Nhỏ:*đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông

báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều không có mặt.

- *Bị đơn bà Liên Thị C trình bày:* Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang II, vay 04 lần với tổng số tiền là 10.500.000.000đ đồng thời có thế chấp tài sản là 04 chiếc ghe biển và 03 giấy chứng nhận QSD đất, trong đó có 01 giấy chứng nhận QSD đất vợ chồng bà mượn của ông Nh, bà Ng thế chấp để đảm bảo hợp đồng vay. Từ khi vay vốn đến nay do làm ăn thất bại nên chỉ trả được nợ gốc là 1.000.000.000đ còn lại 9.500.000.000đ vợ chồng bà chưa thanh toán.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà thanh toán tiền nợ gốc là 9.500.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn tạm tính đến ngày 03/10/2022: 3.126.136.986 đồng; Nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/10/2022: 830.197.260 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 13.456.334.247 đồng và tiền lãi phát sinh thì bà đồng ý thanh toán cho Ngân hàng nhưng do hiện nay làm ăn khó khăn nên xin Ngân hàng cho vợ chồng bà xin thêm thời gian nữa để thanh toán. Nếu vợ chồng bà không thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng bà đồng ý giao cho cơ quan Thi hành án xử lý theo quy định pháp luật.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liên Thị Ng:* Bà thừa nhận, trong quá trình ông T, bà C vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang II thì vợ chồng bà có cho vợ chồng ông T mượn tài sản là giấy chứng nhận QSD đất và tài sản gắn liền với đất để thế chấp Ngân hàng đảm bảo cho hợp đồng vay. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng ông T không có khả năng thanh toán và Ngân hàng khởi kiện ông Tuấn, bà Cúc yêu cầu trả nợ cho Ngân hàng thì bà đề nghị Tòa án xem xét cho vợ chồng ông Tuấn xin thêm thời gian để làm kiếm tiền trả nợ cho Ngân hàng. Nếu vợ chồng ông T không thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng bà đồng ý giao cho cơ quan Thi hành án xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tiếp tục yêu cầubuộcông Lê Văn Tuấn và bà Liên Thị Cúc có trách nhiệm liên đới thanh toán trả trong một lần cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 03/10/2022 là **13.456.334.247** đồng; cùng tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 04/10/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nếu ông Lê Văn Tuấn và bà Liên Thị Cúc không thực hiện thì đề nghị xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông Lê Văn Tuấn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn Nhỏvắng mặtlần 2 không lý do.

- Bị đơn bà Liên Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Liên Thị Ng có mặt và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng do hiện nay làm ăn khó khăn nên xin gia hạn thêm thời gian làm lấy tiền trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng pháp luật, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 335, 338 và 342 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Do phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện nghĩa vụ vay tài sản nênNgân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện ông Lê Văn Tuấn và bà Liên Thị Cúctại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 28/02/2022, ông Lê Văn Tuấn và bà Liên Thị Cúccó hộ khẩu thường trú tại ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng:Qúa trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê Văn Tuấn và người liên quan là ông Lý Văn Nhỏtiếp tục vắng mặt lần 2 không có lý do và nguyên đơn cũng thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xửcăn cứ theo Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng: Theo tài liệu chứng cứ nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cung cấp ông Lê Văn Tuấn và bà Liên Thị Cúccó vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang IItheo các Hợp đồng tín dụng số 7709- LAV-201700863, ký ngày 14/03/2017; 7709- LAV-201702335, ký ngày 25/10/2017; 7709- LAV-201900351, ký ngày 31/01/2019 và 7709- LAV-201900937, ký ngày 29/03/2019, với tổng số tiền dư nợ gốc tính đến ngày 03/10/2022 là 9.500.000.000đ. Các hợp đồng tín dụng này tuân thủ quy định pháp luật về nội dung và hình thức và đã thực hiện, nên phát sinh hiệu lực. Số tiền vay gốc đã được Ngân hàng giải ngân có ký nhận nợ của ông Tuấn, bà Cúc trên "Phiếu theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ". Mặc dù hợp đồng tín dụng không được công chứng/chứng thực (không bắt buộc), nhưng đi kèm theo Hợp đồng tín dụng là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay đã được công chứng và

đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, nên có giá trị chứng minh việc vay tiền nói trên là có thật.

Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vu liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vẫn không đến tham gia tố tụng tại toà án và không có gửi tài liệu chứng cứ hay ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến vụ án, cũng như việc chứng minh mình có trả được một phần hay toàn bộ số nợ hay chưa để Tòa án xem xét.

Theo quy định về nghĩa vụ chứng minh tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp… Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Như vậy, dựa vào Bảng kê chi tiết nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 03/10/2022, gồm:

+ Nợ gốc: 9.500.000.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: **3.126.136.986** đồng

+ Nợ lãi quá hạn: **830.197.260** đồng

⇨ Tổng cộng nợ gốc và lãi: **13.456.334.246**7 đồng

Do ông Tuấn, bà Cúc vi phạm nội dung cam kết tại các Hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng khởi kiện là có cơ cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Tuấn, bà Cúc phải có trách nhiệm trả số nợ gốc và lãi chưa thanh toán như trên là có cơ sở.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp: Giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang IIvới ông Tuấn, bà Cúc, ông Nhỏ, bà Nga có ký kết các Hợp đồng thế chấp như sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 7709 - LCL-201700846 ngày 17/3/2017; số 7709 - LCL-201700845 ngày 17/3/2017; Số7709-LCL-201702052 ngày 25/10/2017; Số 7709-LCL-201700777 ngày 13/3/2017;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7709-LCL-201700790 ngày 13/3/2017 và số 7709-LCL-201700779 ngày 13/3/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7709-LCL-201700780 ngày 13/3/2017.

Hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật và được tiến hành đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền, nên có hiệu lực. Tại hợp đồng thế chấp có nội dung xử lý tài sản thế chấp khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên B (tức bên thế chấp tài sản) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Vì vậy, trường hợp nếu bị đơn không trả được nợ vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứĐiều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Tuấn, bà Cúc phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là**121.456.334** đồng(Một trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn, ba trăm ba mươi bốn đồng).

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 60.360.000 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 117, 317, 318, 319, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Lê Văn T và bà Liên Thị C.

Buộc bị đơn ông Lê Văn T và bà Liên Thị C có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số nợ vay tính đến ngày 03/10/2022, gồm:

+ Nợ gốc: 9.500.000.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: **3.126.136.986** đồng

+ Nợ lãi quá hạn: **830.197.260** đồng

Tổng cộng nợ gốc và lãi: **13.456.334.247đồng**.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 03/10/2022 ông Tuấn, bà Cúc còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang II, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông T, bà C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông T, bà C không trả nợ hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất Số: Hợp đồng thế chấp tài sản số: 7709-

LCL-201700846 ngày 17/3/2017; 7709-LCL-201700845ngày 17/3/2017; 7709-LCL-201702052 ngày 25/10/2017; 7709-LCL-201700777 ngày 13/3/2017; 7709-LCL-201700779 ngày 13/3/2017 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7709-LCL-201700790 ngày 13/3/2017 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7709-LCL-201700780 ngày 13/3/2017, được ký kết giữa ông Tuấn, bà Cúc, ông Nh, bà N với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam– Chi nhánh Kiên Giang II để thu hồi nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T, bà C phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **121.456.334** đồng(Một trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn, ba trăm ba mươi bốn đồng).

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.360.000 đồng(Sáu mươi triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0001138 ngày 15/03/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điêu 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

Danh Pì Sách

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

Danh Pì Sách

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

Danh Pì Sách